

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT

**Đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình,
giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045**

A. CĂN CỨ VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 29/11/2018;
- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Nghị Quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về phân loại đô thị;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ V/v lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/ 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 04/2021/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;
- Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020 - 2030;
- Quyết định 1093/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Thăng Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật” QCVN 07:2016/BXD;

- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam có liên quan.

2. Quy trình lấy ý kiến

a) Công tác lấy ý kiến tại địa phương:

- Lấy ý kiến Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bình Minh; Các phòng ban chuyên môn và UBND huyện Thăng Bình: Biên bản tổng hợp nội dung góp ý về nội dung cuộc họp thông qua đề án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình được tổ chức ngày 14/3/2019;

- Thông qua HĐND huyện: Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09/7/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Thăng Bình về Thông qua đề án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2020 và năm 2030; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thăng Bình về điều chỉnh, bổ sung nội dung đề án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình, đến năm 2020 và năm 2030;

- Báo cáo số 217/BC-MTTQ-BTT ngày 30/6/2022 của Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam huyện Thăng Bình về Nội dung phản biện dự thảo Đề án Quy hoạch chung đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình đến năm 2030 và năm 2045.

b) Công tác lấy ý kiến UBND tỉnh và các Sở ngành ở tỉnh và Bộ Xây dựng:

- Lấy ý kiến các Sở, Ban, Ngành của tỉnh: Thông báo số 76/TB-SXD ngày 11/12/2019 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam về Nội dung cuộc họp lấy ý kiến thẩm định đề án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình;

- Lấy ý kiến UBND tỉnh Quảng Nam và các Sở, Ban, Ngành của tỉnh: Thông báo số 313/TB-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trí Thanh tại cuộc họp thông qua các đề án Quy hoạch vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030 và Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030;

- Lấy ý kiến Tỉnh ủy: Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 289-TB/TU ngày 07/01/2022 của Tỉnh ủy Quảng Nam về đề án quy hoạch chung đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045;

- Lấy ý kiến Bộ Xây dựng: Công văn số 5530/BXD-QHKT ngày 17/11/2020; Công văn số 3119/BXD-QHKT ngày 18/7/2023 của Bộ Xây dựng về việc góp ý

Quy hoạch chung đô thị mới Bình Minh huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam đến năm 2045.

B. NỘI DUNG ĐỒ ÁN

1. Tên đồ án quy hoạch:

Quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045.

2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch.

- Phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ ranh giới hành chính xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, có tứ cận được xác định như sau:

- + Phía Đông: Giáp biển Đông;
- + Phía Tây : Giáp xã Bình Đào;
- + Phía Bắc : Giáp xã Bình Dương;
- + Phía Nam : Giáp xã Bình Hải.

- Diện tích lập quy hoạch: khoảng 1.214,1ha.

3. Tính chất, chức năng:

Là trung tâm tiểu vùng, phục vụ nhu cầu tái định cư cho vệt ven biển; cung cấp lao động cho các khu du lịch, nghỉ mát.

4. Quy mô dân số, đất đai theo các giai đoạn quy hoạch

a) Quy mô dân số:

- Giai đoạn đến năm 2030: Dân số toàn đô thị đạt khoảng 30.000 người;
- Giai đoạn đến năm 2045: Dân số toàn đô thị đạt khoảng 55.000 người.

b) Quy mô đất đai: Tổng diện tích đất tự nhiên 1.214,1ha; trong đó:

- Giai đoạn đến năm 2030: Đất xây dựng đô thị đạt khoảng 880,79ha, chiếm tỷ lệ 72,55% đất tự nhiên; trong đó, đất dân dụng khoảng 340,75ha;
- Giai đoạn đến năm 2045: Đất xây dựng đô thị đạt khoảng 1.027,73ha, chiếm tỷ lệ 84,65% đất tự nhiên; trong đó, đất dân dụng khoảng 447,44ha.

5. Định hướng phát triển không gian, phân khu chức năng:

a) Hướng phát triển đô thị:

- Tập trung phát triển đô thị Bình Minh ở khu vực phía Đông đường Võ Chí Công (đường 129) trên cơ sở rà soát khớp nối các dự án, quy hoạch đã và đang triển khai.

- Định hướng phát triển khu vực biển Bình Minh trở thành cửa ngõ hướng biển của người dân Thăng Bình; hình thành công viên, quảng trường biển,... mang lại lợi ích cộng đồng.

- Giai đoạn ngắn hạn: Hoàn thiện hạ tầng các khu vực dân cư hiện hữu, tiếp tục lập quy hoạch, thu hút đầu tư các khu dân cư đô thị, khu tái định cư, các khu chức năng tại khu vực trung tâm đô thị Bình Minh và khu vực thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai; Phát triển khu vực ven biển. Xây dựng đồng bộ hệ thống HTKT đạt chuẩn đô thị loại V.

- Giai đoạn dài hạn: Phát triển đồng bộ toàn đô thị theo phương án quy hoạch;

trong đó ưu tiên hình thiện khu vực du lịch cộng đồng dọc bờ biển Bình Minh; phát triển khu vực phía Bắc trục đường Cây Cốc đi biển Bình Minh.

b) Các trục không gian phát triển chính:

Phát triển đô thị Bình Minh dựa trên 10 trục không gian chính:

- Theo 04 trục Bắc Nam: định hướng kết các khu vực trung tâm hiện hữu với các khu vực thương mại dịch vụ, dịch vụ du lịch ở phía Bắc và phía Nam đô thị gồm: (1) trục Võ Chí Công; (2) trục ĐT613 và ĐT613B; (3) đường sát biển; (4) Trục N5;

- Theo 06 trục Đông Tây: định hướng kết nối đô thị Bình Minh với khu vực phía Tây đô thị gồm: (5) đường phía Nam khu Vinpearl; (6) Trục N1 - đường phía Bắc QL14E; (7) Trục N2 - đường chính phía Nam QL14E; (8) Trục Cây Cốc đi biển Bình Minh – QL14E mới; (9) Trục N3 - đường Bình Đào đi biển Bình Minh; (10) Trục N4 - đường ĐH9 chính tuyến;

c) Phân khu chức năng và đơn vị ở:

* **Phân khu chức năng:** Toàn đô thị được phân thành 03 phân khu chức năng; trong đó:

- **Phân khu 1:** Là phân khu phát triển Đô thị - dịch vụ Du lịch.

+ Ranh giới: Được giới hạn phía Bắc và Tây hết ranh giới hành chính xã Bình Minh, phía Đông giáp biển Đông, phía Nam giáp phân khu 2 (hết vệt đất công viên kết nối từ đường Võ Chí Công đến biển).

+ Quy mô diện tích tự nhiên khoảng 366,86ha;

+ Quy mô dân số: khoảng 12.000 người.

- **Phân khu 2:** Phân khu Trung tâm đô thị:

+ Ranh giới: Được giới hạn là toàn bộ khu vực phía Bắc đường nối từ Cây Cốc đi biển Bình Minh (QL14E mới) trừ phân khu 1.

+ Quy mô diện tích tự nhiên khoảng 366,26ha;

+ Quy mô dân số: khoảng 23.000 người.

- **Phân khu 3:** Phân khu thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai:

+ Ranh giới: Được giới hạn từ đường nối từ Cây Cốc đi biển Bình Minh (QL14E mới) đến hết ranh giới phía Nam đô thị Bình Minh;

+ Quy mô diện tích tự nhiên khoảng 474,45ha;

+ Quy mô dân số dung nạp khoảng 22.000 người.

* **Xác định các đơn vị ở**

- **Đơn vị ở 1:** Là toàn bộ phạm vi phân khu 1;

- **Đơn vị ở 2 (thuộc phân khu 2):**

+ Ranh giới: Được giới hạn phía Tây hết ranh giới hành chính xã Bình Minh, phía Đông giáp biển Đông, phía Bắc giáp đơn vị ở 1 (đến vệt đất công viên kết nối từ đường Võ Chí Công đến biển), phía Nam giáp Tuyến N2 (tuyến chính phía Nam quốc lộ 14E).

+ Quy mô diện tích tự nhiên khoảng 257,30ha;

+ Quy mô dân số: khoảng 15.000 người.

- Đơn vị ở 3 (thuộc phân khu 2):

+ Ranh giới: Được giới hạn phía Tây hết ranh giới hành chính xã Bình Minh, phía Đông giáp biển Đông, phía Bắc giáp Tuyến N2 (tuyến chính phía Nam quốc lộ 14E), phía Nam giáp đường nối từ Cây Cốc đi biển Bình Minh (QL14E mới).

+ Quy mô diện tích tự nhiên khoảng 108,96ha;

+ Quy mô dân số: khoảng 8.000 người.

- Đơn vị ở 4 (thuộc phân khu 3):

+ Ranh giới: Được giới hạn phía Tây hết ranh giới hành chính xã Bình Minh, phía Đông giáp biển Đông, phía Bắc giáp đường nối từ Cây Cốc đi biển Bình Minh (QL14E mới), phía Nam giáp Tuyến N3 (đường Bình Đào đi biển Bình Minh);

+ Quy mô diện tích tự nhiên khoảng 165,66ha;

+ Quy mô dân số: khoảng 10.000 người.

- Đơn vị ở 5 (thuộc phân khu 3):

+ Ranh giới: Được giới hạn phía Tây hết ranh giới hành chính xã Bình Minh, phía Đông giáp biển Đông, phía Bắc giáp Tuyến N3 (đường Bình Đào đi biển Bình Minh), phía Nam hết ranh giới xã Bình Minh;

+ Quy mô diện tích tự nhiên khoảng 308,79ha;

+ Quy mô dân số: khoảng 12.000 người.

d) Định hướng kiến trúc cảnh quan:

Phát triển đô thị hiện đại, hấp dẫn, giàu bản sắc, dựa trên cấu trúc cảnh quan và hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là khai thác cảnh quan ven biển.

- Vùng cảnh quan ven biển: Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; phát triển và sử dụng quỹ đất ven biển hiệu quả, ưu tiên cho các không gian công cộng như quảng trường biển và quỹ đất hỗn hợp công cộng, thương mại dịch vụ biển; đảm bảo không gian tiếp cận với bờ biển cho cộng đồng dân cư.

- Vùng cảnh quan trong đô thị: Tổ chức các trục xanh kết nối đô thị với vùng cảnh quan ven biển để tổ chức các công trình kiến trúc hiện đại.

đ) Điểm nhấn đô thị:

(1) Khu vực cửa ngõ phía Bắc đô thị: với sự hình thành nút giao khác mức kết hợp không gian công cộng, dịch vụ du lịch và cây xanh sẽ tạo nên không gian điểm nhấn cho đô thị.

(2) Khu vực dọc tuyến đường Cây Cốc đi biển Bình Minh: Tổ chức vệt công cộng, thương mại dịch vụ kết hợp không gian quảng trường biển. Các không gian kiến trúc xung quanh được tổ chức cao tầng với loại hình thương mại, dịch vụ, giải trí.

- Ngoài ra, tại các giao lộ của các trục chính đô thị, tổ chức thêm các công trình TMDV cao tầng là điểm nhấn cho khu vực.

6. Định hướng hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế:

a) Định hướng phát triển trung tâm hành chính - chính trị:

- Trung tâm hành chính - chính trị đô thị: Phát triển trên cơ sở cải tạo, chỉnh trang không gian kiến trúc cảnh quan khu vực trung tâm hành chính xã Bình Minh hiện nay thành trung tâm hành chính - chính trị cấp đô thị.

- Công trình hành chính, chính trị: Giữ nguyên vị trí, mở rộng quy mô trụ sở HĐND-UBND xã Bình Minh hiện nay để sử dụng làm công trình hành chính, chính trị cấp đô thị.

b) Định hướng phát triển hệ thống giáo dục - đào tạo:

- Trường trung học phổ thông: Quy hoạch 02 trường THPT với tổng diện tích khoảng 6,08ha; trong đó, bố trí 01 trường tại Phân khu 2 và 01 trường tại Phân khu 3.

- Cấp Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở:

+ Đơn vị ở 1: Xây mới các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở phục vụ cho đơn vị ở;

+ Đơn vị ở 2: Mở rộng trường THCS Phan Đình Phùng; Giữ nguyên vị trí, nâng cấp, cải tạo trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ; Xây mới 02 trường mầm non và nâng cấp, cải tạo các trường mầm non hiện có phục vụ cho đơn vị ở;

+ Đơn vị ở 3: Xây mới các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở phục vụ cho đơn vị ở.

+ Đơn vị ở 4: Xây mới các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở phục vụ cho đơn vị ở.

+ Đơn vị ở 5: Xây mới các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở phục vụ cho đơn vị ở.

c) Định hướng phát triển hệ thống cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe:

- Xây mới Trạm Y tế xã Bình Minh làm trung tâm y tế cấp đô thị;

- Cải tạo, nâng cấp phòng khám Bình An hiện đại;

- Quy hoạch 01 Bệnh viện đa khoa tại Phân khu 2 với diện tích khoảng 2,33ha; số giường bệnh đáp ứng tiêu chí về cơ sở y tế cho đô thị loại V; xúc tiến, kêu gọi đầu tư các bệnh viện tư nhân nhằm đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân theo từng giai đoạn phát triển.

d) Định hướng phát triển hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao:

Quy hoạch 04 khu đất bố trí các công trình văn hóa, thể dục thể thao cấp đô thị với tổng diện tích 13,82ha; trong đó:

- 01 khu Trung tâm Văn hóa - thể thao tại Phân khu 3 với diện tích khoảng 4,5ha;

- 01 khu hỗn hợp sân vận động + sân thể thao cơ bản tại phân khu 2 với diện tích khoảng 6,47ha bố trí các câu lạc bộ đáp ứng nhu cầu giải trí; các công trình TDTT như sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu đa năng ...;

- 01 khu sân thể thao cơ bản tại phân khu 2 với diện tích khoảng 1,24ha;
- 01 khu Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa) + Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi) tại Phân khu 2 với diện tích khoảng 1,61ha;

Bố trí quỹ đất xây dựng các công trình văn hóa- thể dục thể thao cấp đơn vị ở đảm bảo theo quy định trên quỹ đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ cấp đô thị.

đ) Định hướng phát triển công viên, cây xanh:

- Xây dựng hệ thống cây xanh theo tầng bậc gắn kết các phân khu; vành đai bảo vệ bờ biển; không gian xanh dọc trục đường Võ Chí Công; các vệt xanh hướng biển với điểm nhấn là khu vực công viên quảng trường biển, là không gian xanh đặc trưng cho đô thị Bình Minh.

- Tổ chức các công viên cấp đô thị, tăng cường trồng cây xanh, các loại cây đặc trưng phù hợp với vùng miền và cảnh quan đô thị.

- Về tổng thể, hệ thống cây xanh được kết nối liên hoàn tạo thành một thể hài hòa, trở thành lõi xanh trong lòng đô thị, góp phần cải thiện môi trường vi khí hậu và tạo cảnh quan cho toàn đô thị.

- Bố trí quỹ đất xây dựng các công viên cây xanh cấp đơn vị ở, Khu ở đảm bảo theo quy định.

e) Định hướng phát triển hệ thống thương mại dịch vụ:

- Hình thành trên cơ sở bố trí các công trình công cộng, thương mại dịch vụ trong quỹ đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ cấp vùng; đất công trình công cộng, thương mại dịch vụ ven biển và trên các trục đường chính đô thị;

- Ưu tiên phát hệ thống phân phối hiện đại gồm trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp, siêu thị;

- Hệ thống Chợ: Nâng cấp, mở rộng chợ Bình Minh là cấp chợ đô thị; bố trí quỹ đất chợ đơn vị ở đảm bảo diện tích theo quy định trong quỹ đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ đơn vị ở nhằm đáp ứng đủ nhu cầu của người dân.

g) Định hướng phát triển Du lịch:

- Phát triển các khu chức năng du lịch theo quy hoạch.

- Phát triển mô hình du lịch công đồng kết hợp làng nghề truyền thống tại khu vực thôn Tân An và thôn Bình Tịnh.

- Ưu tiên phát triển các khu dịch vụ du lịch trong quỹ đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ cấp vùng tại phân khu 1 và dọc tuyến đường sát biển.

h) Định hướng phát triển Công nghiệp, TTCN:

- Không phát triển quỹ đất công nghiệp tập trung tại đô thị;

- Phát triển Tiểu thủ công nghiệp theo mô hình làng nghề truyền thống kết hợp du lịch công đồng tại khu vực thôn Tân An và thôn Bình Tịnh.

i) Định hướng phát triển nông, lâm nghiệp:

- Trong giai đoạn gần hạn, phát triển mô hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên quỹ đất nông nghiệp thuộc khu vực phát triển đô thị trong giai đoạn dài hạn;

- Bố trí đất rừng phòng hộ gồm: hành lang 100m dọc hai bên đường Võ Chí Công và hành lang bảo vệ bờ biển và các vệt rừng phòng hộ dọc theo các trục đường.

8. Định hướng hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy hoạch cao độ nền:

+ Hướng dốc san nền: Theo hướng dốc địa hình tự nhiên, thấp dần về biển Đông.

+ Cao độ khống chế nền xây dựng Hmax: +15.1m;

+ Cao độ khống chế nền xây dựng Hmin: +4.00m.

- Thoát nước mưa:

+ Hướng thoát nước: Thoát từ Tây sang Đông đổ ra biển Đông;

+ Lựa vực thoát nước: Quy hoạch thoát nước phân chia ra gồm 04 lưu vực thoát nước, đổ về biển Đông thông qua 04 cửa xả;

+ Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa và các vệt xanh kết hợp mương tiêu thoát nước chính phù hợp với điều kiện địa hình và khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước được thu gom bằng hệ thống cống, mương dọc theo vỉa hè, đổ ra cống chính và ra các cửa xả ra biển Đông.

b) Định hướng phát triển hệ thống giao thông:

*** Giao thông đối ngoại:**

- Giao thông đường bộ:

+ Đường Võ Chí Công (ĐT 619): quản lý theo mặt cắt 1-1, lộ giới 38 m; dải dự trữ đường sắt đô thị phía Tây 20 m; hành lang cây xanh mỗi bên 100m.

+ Tuyến Cây Cốc đi Bình Minh (QL14E mới): quản lý theo mặt cắt 5-5; quản lý lộ giới 60m.

+ ĐT 613 và ĐT 613B: quản lý theo mặt cắt 2-2, lộ giới 32m (6,0+7,5+5,0+7,5+6,0)m; điều chỉnh tuyến đoạn qua khu vực bãi tắm Bình Minh về phía Đông;

+ Tuyến N1: quản lý theo mặt cắt 10-10, lộ giới 43m (5,0+7,5+18,0+7,5+5,0)m;

+ Tuyến N2 (tuyến chính phía Nam quốc lộ 14E): quản lý theo mặt cắt 6-6, lộ giới 42m (5,5+14,0+3,0+14,0+5,5)m.

+ Tuyến N3 (đường Bình Đào đi biển Bình Minh): Quản lý theo mặt cắt 4-4, lộ giới 27m (5,0+7,5+2,0+7,5+5,0)m;

+ Tuyến N5: quản lý theo mặt cắt 2-2, lộ giới 32m (6,0+7,5+5,0+7,5+6,0)m.

+ Tuyến N6: Quản lý theo mặt cắt 2-2, lộ giới 32m (6,0+7,5+5,0+7,5+6,0)m.

+ Tuyến N7 (đường sát biển): Quản lý theo mặt cắt 3-3, lộ giới 40m (6,0+10,5+3,5+20,0 cây xanh phía biển)m; Chỉnh hướng tuyến đoạn phía Bắc QL14E về phía Đông trung bình từ 30m đến 65m so với hướng tuyến do Sở Giao thông cắm mốc quản lý ngoài thực địa.

- Đường sắt: Xây dựng tuyến đường sắt đô thị kết nối sân bay Chu Lai với các đô thị vùng Đông Nam của tỉnh, thành phố Hội An, thành phố Đà Nẵng chạy song hành với tuyến đường Võ Chí Công.

*** Giao thông đô thị:**

- Đường trục chính đô thị:

+ Đường Võ Chí Công (ĐT 619): quản lý theo mặt cắt 1-1, lộ giới 38 m; dải dự trữ đường sắt đô thị phía Tây 20 m; hành lang cây xanh mỗi bên 100m.

+ Tuyến Cây Cốc đi Bình Minh (QL14E mới): quản lý theo mặt cắt 5-5; quản lý lộ giới 60m.

- Đường chính đô thị:

+ Tuyến N2 (tuyến chính phía Nam quốc lộ 14E): quản lý theo mặt cắt 6-6, lộ giới 42m (5,5+14,0+3,0+14,0+5,5)m.

+ Tuyến N3 (đường Bình Đào đi biển Bình Minh): Quản lý theo mặt cắt 4-4, lộ giới 27m (5,0+7,5+2,0+7,5+5,0)m;

+ Tuyến N6: Quản lý theo mặt cắt 2-2, lộ giới 32m (6,0+7,5+5,0+7,5+6,0)m.

- Đường liên khu vực:

+ Quốc lộ 14E: quản lý theo mặt cắt 4-4, lộ giới 27m (65,0+7,5+2,0+7,5+5,0)m;

+ ĐT 613 và ĐT 613B: quản lý theo mặt cắt 2-2, lộ giới 32m (6,0+7,5+5,0+7,5+6,0)m; điều chỉnh tuyến đoạn qua khu vực bãi tắm Bình Minh về phía Đông;

+ Tuyến N1: quản lý theo mặt cắt 10-10, lộ giới 43m (5,0+7,5+18,0+7,5+5,0)m;

+ Tuyến N4 (đường ĐH 9 chỉnh tuyến): quản lý theo mặt cắt 4-4, lộ giới 27m (5,0+7,5+2,0+7,5+5,0)m.

+Tuyến N5: quản lý theo mặt cắt 2-2, lộ giới 32m (6,0+7,5+5,0+7,5+6,0)m.

+ Tuyến N7 (đường sát biển): Quản lý theo mặt cắt 3-3, lộ giới 40m (6,0+10,5+3,5+20,0 cây xanh phía biển)m; Chỉnh hướng tuyến đoạn phía Bắc QL14E về phía Đông trung bình từ 30m đến 65m so với hướng tuyến do Sở Giao thông cắm mốc quản lý ngoài thực địa

- Đường khu vực:

+ Tuyến N8 (đường phía Nam khu du lịch Vinpearl): quản lý theo mặt cắt 7-7, lộ giới 20,5m (5,0+10,5+5,0)m;

+ Các tuyến giao thông khác: quản lý theo mặt cắt 4-4, lộ giới 27m (6,0+15,0+6,0)m; mặt cắt 7-7, lộ giới 20,5m (5,0+10,5+5,0)m; mặt cắt 8-8, lộ giới 15,5m (4,0+7,5+4,0)m; mặt cắt 9-9, lộ giới 31,0m (7,0+7,5+2,0+7,5+7,0)m; mặt cắt 11-11, lộ giới 60m (5,5+15,0+19,0+15,0+5,5)m; mặt cắt 12-12, lộ giới 17,5m (5,0+7,5+5,0)m.

*** Hệ thống bên bãi:**

- Bến xe: Xây dựng mới bên xe Bình Minh tại khu vực gần trục đường Võ Chí Công và QL 14E với diện tích khoảng 0,91ha.

- Bãi đỗ xe công cộng: Quy hoạch các bãi đỗ xe công cộng với tổng diện tích đến năm 2045 đạt khoảng 4,71ha; trong quá trình triển khai các quy hoạch chi tiết bố trí thêm các đất bãi đỗ xe trong các nhím nhà ở đảm bảo theo quy định;

c) Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng:

- Nhu cầu cấp điện: Đến năm 2030 khoảng 25.315 kVA; Đến năm 2045 khoảng 33.125kVA.

- Nguồn điện: Cấp từ Trạm 110/35/22kV Thăng Bình, công suất 2x25MVA.

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 10 trạm biến áp, công suất 630KVA-22/0,4kV cấp điện sinh hoạt cho dân cư và các hoạt động công cộng thiết yếu.

- Lưới 22kV: Xây mới 2 mạch trục chính 22KV đi từ trạm biến áp 110KV Thăng Bình 2, đấu nối vào thanh cái 22KV. Tuyến 22kV đi nối ở khu vực không có đô thị, hạ ngầm khi vào khu vực đô thị;

- Lưới hạ thế 0,4 kV: Tuyến hạ thế 0,4 kV xây mới đi ngầm.

- Chiếu sáng: Khu vực quy hoạch chủ yếu bố trí điện chiếu sáng các trục đường. Nguồn cấp điện chiếu sáng lấy từ trạm biến áp xây mới.

d) Quy hoạch Thông tin liên lạc:

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông. Ngầm hóa hệ thống thông tin liên lạc trên các trục đường chính đô thị.

đ) Quy hoạch cấp nước:

- Nhu cầu dùng nước: đến năm 2030 là 3.352m³/ngđ, đến năm 2045 là 9.315m³/ngđ.

- Nguồn nước: Sử dụng nước từ nhà máy nước BOO Phú Ninh (công suất 50.000 m³/ng.đ), Vị trí đầu nối cấp nước trên đường Võ Chí Công (ống D500mm).

- Mạng lưới cấp nước: Sử dụng mạng lưới hỗn hợp.

- Quy hoạch hệ thống cấp nước chữa cháy của đô thị, bố trí các họng chữa cháy trên các trục đường giao thông.

e) Giải pháp thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang:

- Thoát nước thải:

+ Tổng khối lượng nước thải: Đến năm 2030 khoảng 2.200m³/ng-đ, đến năm 2045 khoảng 4.230m³/ng-đ;

+ Đối với Phân khu 3: Theo Quy hoạch Khu Kinh tế mở Chu Lai, nước thải trong khu vực này được thu gom về trạm xử lý nước thải TXLNT-SH3(ĐN-Thăng Bình), Q=4000 m³/ng-đêm;

+ Đối với khu vực còn lại (phân khu 1 và phân khu 2): Xây dựng trạm xử lý nước thải cho khu vực, công suất xử lý đến giai đoạn 2030: 1.500 m³/ng-đêm, giai đoạn 2045: 4000 m³/ng-đêm. Toàn bộ nước thải sinh hoạt của khu vực còn lại được thu gom tập trung về xử lý.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, nước thải riêng, nước mưa riêng. Nguyên tắc bố trí mạng lưới đường ống theo hướng tự chảy. Những khu vực địa hình cao, độ sâu chôn ống lớn sẽ bố trí trạm bơm.

- Chất thải rắn:

+ Tổng lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2030 đạt khoảng 22 tấn/ng-đ, đến năm 2045 đạt khoảng 49 tấn/ng-đ;

+ Chất thải rắn được phân loại tại nguồn, theo định kỳ xe chuyên dụng thu gom và vận chuyển rác về khu xử lý rác thải của khu vực (không xây dựng khu xử lý chất thải rắn tại đô thị).

- Nghĩa trang: Tiến hành khoanh vùng, đóng cửa đối với các khu vực nghĩa trang nhân dân hiện trạng; từng bước di dời và chôn mới tại nghĩa trang Đông Thăng Bình đã quy hoạch trong Quy hoạch chung Khu Kinh tế mở Chu Lai.

9. Đánh giá môi trường chiến lược

a) Các giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Sử dụng năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển mô hình kiến trúc xanh, khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường trong các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt.

- Giữ gìn và bảo vệ cảnh quan tự nhiên, tăng cường diện tích cây xanh, duy trì đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng nước;

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn;

- Định kỳ đánh giá và đề xuất các giải pháp hạn chế các tác động về môi trường đô thị trong quá trình phát triển.

b) Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu: Nâng cao nhận thức và năng lực cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu. Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; tăng mật độ cây xanh đô thị để giảm hiện tượng ốc đảo nhiệt; kiên cố hóa nhà ở, công trình chịu gió bão, ngập lụt; xây dựng đồng bộ và tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng, cải tạo hệ thống thoát nước.